

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **192/2018/HS - ST**
Ngày: 24/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Đinh Quang Huân**

2. Ông Bùi Xuân Đăng

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 205/2018/HS- ST ngày 09/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2018/QĐXXST - HS ngày 13/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn C, sinh năm 1991; HKTT: Phố T, phường Q, thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị T; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 0270 lập ngày 11/6/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 08/6/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/6/2018, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Bá C1, sinh năm 1982; HKTT: Thôn 1, xã H, huyện H, Tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá T và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ là: Phạm Thị T và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án: Ngày 31/12/2003, Tòa án nhân dân

tỉnh Đồng Nai xử phạt 5 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 0268 lập ngày 11/6/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09/6/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/6/2018, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Kim A, sinh năm 1988; HKTT: Thôn 6, xã Q, thành phố T, Tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Kim T và bà Lê Thị C; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 0269 lập ngày 11/6/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09/6/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/6/2018, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn C, Lê Bá C1 và Hoàng Kim A cùng thuê trọ ở Thôn Y, xã T, T, Hà Nội. Khoảng 21h30' ngày 08/6/2018, C1 và A rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. Do không có tiền nên A có xin ứng trước 100.000đồng tiền lương của anh Lê văn C (sinh năm 1984; HKTT: quận Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) đưa cho C1 và C1 đã cất vào valy đựng quần áo. C1 vay của anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1992; HKTT: xã T, huyện T, Thanh Hóa) được 500.000đồng. Do không biết chỗ mua ma túy nên C1 đưa cho C 500.000đồng và nhờ C đi mua 300.000đồng ma túy về để cả 3 cùng sử dụng, số tiền còn lại C trả lại để C1 trả nợ anh T. Do điện thoại của C bị hết tiền nên C1 đưa cho C chiếc điện thoại Samsung J7 của C1 để C liên lạc mua ma túy. C điều khiển xe mô tô BKS 36F5 - 6665 đến khu vực Bệnh viện 09 gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy với giá 300.000đồng rồi cất vào túi quần bên phải.

Đến 22h20' ngày 08/6/2018, tổ Công tác Đội nghi lễ PK20E - Công an thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại khu vực đường C, xã T, huyện T, Hà Nội phát hiện Phạm Văn C điều khiển xe mô tô 36F5 - 6665 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Khi bị kiểm tra, C lấy gói ma túy trong túi quần thả xuống đất sát ngay vị trí C đứng thì bị tổ Công tác phát hiện. Tại chỗ C khai túi nilong bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy C mua về để sử dụng nên tổ Công tác đã thu giữ tang vật và bàn giao C cho Đoàn Công an C lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cơ quan Công an còn thu giữ của C 200.000đồng, 01 xe mô tô BKS 36F5 - 6665, 01 điện thoại Samsung J7 màu hồng, 01 điện thoại Xphone màu xanh đen.

Ngày 09/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra lệnh giữ, bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Bá C1 và Hoàng Kim A. C1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an số tiền 100.000đồng A góp mua ma túy.

Cùng ngày 09/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trưng cầu giám định đối với 01 túi nilon có tinh thể màu trắng đã thu giữ của Phạm Văn C. Tại bản Kết luận giám định số 5398/KLGD - PC54 ngày 17/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Tinh thể màu trắng bên trong túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,165gam. Cơ quan giám định đã sử dụng hết 0,030gam để làm giám định, hoàn trả Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T 0,135gam Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn C, Lê Bá C1 và Hoàng Kim A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho C, C khai không biết tên, tuổi, địa chỉ, không nhận dạng được người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36F5 - 6665 là của anh Lê Văn D cho C mượn (anh D mua lại xe của anh Hoàng Văn H; HKTT: Tiểu Khu Đ, thị trấn N, Thanh Hóa). Do anh D không xuất trình được giấy tờ mua bán xe, đăng ký xe mô tô và chiếc xe cơ quan Công an thu giữ không có số khung, số máy trùng khớp với số khung, số máy với xe mô tô anh H đã bán cho anh D nên cơ quan điều tra đã tách phần hồ sơ liên quan đến chiếc xe mô tô 36F5 - 6665 để điều tra, làm rõ sau.

Đối với số tiền 100.000đồng do Lê Bá C1 giao nộp, 200.000đồng thu giữ của Phạm văn C, 01 điện thoại di động Samsung J7 màu hồng của C1 dùng để liên lạc mua ma túy, 01 điện thoại di động Xphone màu xanh đen của C để liên lạc cá nhân, cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền và số tài sản trên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 198/CT - VKSTT ngày 22/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Lê Bá C1 và Hoàng Kim A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

* Các Bị cáo Phạm Văn C, Lê Bá C1, Hoàng Kim A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn C từ 14- 20 tháng tù;

+ Bị cáo Lê Bá C1 từ 18- 24 tháng tù

+ Bị cáo Hoàng Kim A từ 14- 20 tháng tù

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 100.000đồng do C1 giao nộp;

- Trả lại Lê Bá C1 số tiền 200.000đồng;

- Trả lại bị cáo Phạm Văn C 01 điện thoại di động Xphone màu xanh đen;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại Samsung J7 màu hồng của Lê Bá C1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/6/2018, Lê Bá C1 và Hoàng Kim A rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. A đưa cho C1 100.000đ, C1 đưa cho Phạm Văn C 500.000 đồng nhờ C đi mua 300.000đồng ma túy để cả 3 cùng sử dụng. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực đường C, Thôn Y, xã T, T, Hà Nội, Phạm Văn C bị Tổ Công tác PK20E - Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Đoàn Công an C - Công an huyện T kiểm tra hành chính, phát hiện C đang cất giấu 0,165 gam ma túy loại Methamphetamine ở túi quần phía trước bên phải. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ

luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện huỷ hoại sức khỏe con người, làm sôi mòn đạo đức xã hội và là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo các bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm. Bị cáo C1 là người khởi xướng việc đi mua ma túy về sử dụng chung, C1 góp nhiều tiền hơn bị cáo A, trực tiếp đưa tiền cho C đi mua ma túy và đưa điện thoại của C1 cho C liên lạc mua ma túy nên bị cáo C1 có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo A cùng góp tiền với C1 để mua ma túy. Bị cáo C mặc dù không góp tiền nhưng bỏ C đi mua ma túy để cả 3 cùng sử dụng nên A và C có vai trò ngang nhau.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Bị cáo Phạm Văn C, bị cáo Hoàng Kim A:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

- Bị cáo Lê Bá C1:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Bá C1 có tiền án năm 2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 5 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và buộc phải nộp 50.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C1 đã chấp hành xong hình phạt tù. Đối với nghĩa vụ nộp án phí, theo kết quả xác minh của Công an huyện T tại văn bản số 1259/CCTHADS - NV, ngày 05/11/2018, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai chưa thụ lý thi hành bản án số 633/HSST ngày 31/12/2003 nêu trên. Theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự thì thời hiệu thi hành án là 5 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, đến thời điểm hiện nay, đã hết thời hiệu thi hành án nhưng cơ quan thi hành án không thụ lý việc thi hành án. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xác định bị cáo Lê Bá C1 đã được xóa án tích đối với bản án số 633/HSST ngày 31/12/2003 và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lê Bá C1 có tiền án năm 2003 (đã được xóa); bị cáo Phạm Văn C và Hoàng Kim A nhân thân chưa có tiền án tiền sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015: «Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng » . Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 0,135 gam Methamphetamine (trọng lượng còn lại sau giám định) là chất Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Chiếc điện thoại di động Samsung J7 màu hồng của C1 đưa cho C liên lạc mua ma túy là C cụ thể hiện tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Chiếc điện thoại Iphone X màu xanh đen thu giữ của C, C sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

- Số tiền 100.000đồng bị cáo A đưa cho C1 để góp mua ma túy và C1 giao nộp cho cơ quan điều tra là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Số tiền 200.000đồng thu giữ của C là tiền mua ma túy thừa mang trả lại cho C1. Xét C1 không sử dụng số tiền này để mua ma túy nên trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36F5 - 6665 thu giữ của C, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra quyết định số 90 ngày 12/9/2018 tách phần hồ sơ liên quan đến chiếc xe để điều tra làm rõ sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho C, C khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Lê Văn C ứng 100.000đồng tiền lương cho A và anh Nguyễn Văn T cho C1 vay 500.000đồng nhưng không biết và không liên quan đến việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy. Đây là giao dịch dân sự giữa anh Chung, anh T với C1 và A nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T không xử lý và Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016

của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Bá C1, Phạm Văn C và Hoàng Kim A phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

- **Xử phạt bị cáo Lê Bá C1** 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 09/6/2018 đến ngày 15/6/2018).

- **Xử phạt bị cáo Phạm Văn C** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 15/6/2018).

- **Xử phạt bị cáo Hoàng Kim A** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 09/6/2018 đến ngày 15/6/2018).

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 0,135gam Methamphetamine (trọng lượng còn lại sau khi giám định) hiện đang lưu giữ tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện T (biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2018)

- Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Samsung J7 màu hồng hiện đang lưu giữ tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện T (biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2018)

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 100.000đồng gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc nhà nước huyện T (theo ủy nhiệm chi số 100 ngày 23/11/2018 của Công an huyện T).

- Trả lại bị cáo Lê Bá C1 số tiền 200.000đồng gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc nhà nước huyện T (theo ủy nhiệm chi số 100 ngày 23/11/2018 của Công an huyện T).

- Trả lại bị cáo Phạm Văn C chiếc điện thoại di động Iphone X màu xanh đen hiện đang lưu giữ tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện T (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2018).

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;
- Công an huyện T, TP Hà Nội;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;
- Bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài